|  |  |
| --- | --- |
| **ỦY BAN NHÂN DÂN**  **TỈNH TÂY NINH**  Số: /2025/QĐ-UBND | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**  *Tây Ninh, ngày tháng 02 năm 2025* |

DỰ THẢO 1

18/02/2024

**QUYẾT ĐỊNH**

**ban hành Bảng giá tính thuế tài nguyên áp dụng**

**trên địa bàn tỉnh Tây Ninh**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

Căn cứ Luật Khoáng sản số 60/2010/QH12 ngày 17 tháng 11 năm 2010;

Căn cứ Luật Tài nguyên nước ngày 21 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Luật Quản lý Thuế số 78/2006/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2006; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý Thuế số 21/2012/QH13 ngày 20 tháng 11 năm 2012;

Căn cứ Nghị quyết số 712/2013/UBTVQH13 ngày 16 tháng 12 năm 2013 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về việc ban hành Biểu mức thuế suất thuế tài nguyên;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về thuế số 71/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 50/2010/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2010 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thuế tài nguyên;

Căn cứ Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ hướng dẫn thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật Thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về thuế;

Căn cứ Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoáng sản;

Căn cứ Nghị định số 82/2017/NĐ-CP ngày 17 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định về phương pháp tính, mức thu tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước;

Nghị định số 41/2021/NĐ-CP ngày 30 tháng 3 năm 2021 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 82/2017/NĐ-CP ngày 17 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định về phương pháp tính, mức thu tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước;

Căn cứ Thông tư số 152/2015/TT-BTC ngày 02 tháng 10 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về thuế tài nguyên;

Căn cứ Thông tư số 12/2016/TT-BTC ngày 20 tháng 01 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 7 Thông tư số 152/2015/TT-BTC ngày 02 tháng 10 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về thuế tài nguyên;

Căn cứ Thông tư số 174/2016/TT-BTC ngày 28 tháng 10 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 4 Điều 6 Thông tư số 152/2015/TT-BTC ngày 02 tháng 10 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về thuế tài nguyên

Thông tư số 44/2017/TT-BTC ngày 12 tháng 05 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định khung giá tính thuế tài nguyên đối với nhóm, loại tài nguyên có tính chất lý, hóa giống nhau;

Căn cứ Thông tư số 05/2020/TT-BTC ngày 20 tháng 01 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 44/2017/TT-BTC ngày 12 tháng 05 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định khung giá tính thuế tài nguyên đối với nhóm, loại tài nguyên có tính chất lý, hóa giống nhau;

Căn cứ Thông tư số 41/2024/TT-BTC ngày 20 tháng 5 năm 2024 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 44/2017/TT-BTC ngày 12 tháng 05 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định khung giá tính thuế tài nguyên đối với nhóm, loại tài nguyên có tính chất lý, hóa giống nhau và Thông tư số 152/2015/TT-BTC ngày 02 tháng 10 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về thuế tài nguyên;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số /TTr-STC ngày tháng 02 năm 2025,

**QUYẾT ĐỊNH**

**Điều 1. Đối tượng áp dụng**

Tổ chức, cá nhân có hoạt động khai thác tài nguyên, khoáng sản trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.

**Điều 2.** Ban hành Bảng giá tính thuế tài nguyên áp dụng trên địa bàn tỉnh Tây Ninh như sau:

1. Bảng giá tính thuế tài nguyên

(Phụ lục chi tiết kèm theo)

2. Các loại tài nguyên khác nếu có phát sinh trên địa bàn tỉnh Tây Ninh nhưng không có quy định tại khoản 1, Điều 2 của Quyết định này thì áp dụng theo Khung giá tối thiểu quy định tại các Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 44/2017/TT-BTC ngày 12 tháng 5 năm 2017 của Bộ Tài chính quy định khung giá tính thuế tài nguyên đối với nhóm, loại tài nguyên có tính chất lý, hóa giống nhau; Thông tư số 05/2020/TT-BTC ngày 20 tháng 01 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 44/2017/TT-BTC ngày 12 tháng 5 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về khung giá tính thuế tài nguyên đối với nhóm, loại tài nguyên có tính chất lý, hóa giống nhau và Thông tư số 41/2024/TT-TT-BTC ngày 20 tháng 5 năm 2024 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 44/2017/TT-BTC ngày 12 tháng 05 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định khung giá tính thuế tài nguyên đối với nhóm, loại tài nguyên có tính chất lý, hóa giống nhau và Thông tư số 152/2015/TT-BTC ngày 02 tháng 10 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về thuế tài nguyên.

Trong quá trình thực hiện, trường hợp văn bản quy định được dẫn chiếu áp dụng tại Quyết định này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản quy định mới thì áp dụng theo các văn bản mới.

**Điều 3. Hiệu lực thi hành**

Quyết định này có hiệu lực từ ngày tháng năm 2025, thay thế Quyết định số 17/2018/QĐ-UBND ngày 16 tháng 5 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Bảng giá tính thuế tài nguyên trên địa bàn tỉnh Tây Ninh và Quyết định số 34/2020/QĐ-UBND ngày 28 tháng 8 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh sửa đổi, bổ sung Điều 1 của Quyết định số 17/2018/QĐ-UBND ngày 16 tháng 5 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh ban hành Bảng giá tính thuế tài nguyên trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.

**Điều 4. Tổ chức thực hiện**

1. Tổ chức, cá nhân có hoạt động khai thác tài nguyên, khoáng sản trên địa bàn tỉnh Tây Ninh nộp thuế tài nguyên và thực hiện kê khai giá theo đúng quy định.

2. Các Sở quản lý chuyên ngành, lĩnh vực (Tài nguyên và Môi trường, Xây dựng, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Công thương, …), Ủy ban nhân dân cấp huyện phối hợp với Sở Tài chính xây dựng Bảng giá tính thuế tài nguyên theo quy định tại Điều 2 Thông tư số 41/2024/TT-BTC ngày 20/5/2024.

3. Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các Sở quản lý chuyên ngành, lĩnh vực tổ chức triển khai, hướng dẫn thực hiện Quyết định này.

4. Trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc, đề nghị các tổ chức, cá nhân, các sở quản lý chuyên ngành, lĩnh vực phản ánh kịp thời về Sở Tài chính để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét sửa đổi, bổ sung cho phù hợp.

5. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài chính, Tài nguyên và Môi trường, Xây dựng, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Công thương; Cục Trưởng Cục Thuế tỉnh; Giám đốc Kho bạc nhà nước tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

***Nơi nhận:*****TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**

- Chính phủ; **KT. CHỦ TỊCH**

- Vụ Pháp chế - Bộ Tài chính; **PHÓ CHỦ TỊCH**

- Cục Kiểm tra VBQPPL - Bộ Tư pháp;

- TT. TU, HĐND tỉnh;

- CT, các PCT UBND tỉnh;

- Như Điều 11;

- Sở Tư pháp;

- Trung tâm CBTH, Phòng KT;

- Lưu: VT, VP.UBND tỉnh.